

TTĐT (2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026 - 2030

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 08/4/2026

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 141/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh do Bộ Tài chính thu theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công, áp dụng cho giai đoạn từ năm tài chính 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Bộ Tài chính;

b) Các đơn vị tham gia trực tiếp vào hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 4 và các đơn vị có thành tích đóng góp trực tiếp cho hoạt động quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại quy định tại khoản 7 Điều 4 Quyết định này.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Mục tiêu:

Việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh được tập trung cho mục tiêu tổ chức huy động vốn vay với chi phí và mức độ rủi ro phù hợp, đáp ứng yêu cầu cân đối ngân sách nhà nước và đầu tư phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ; phân bổ vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ; duy trì các chỉ số nợ công, nợ chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia ở mức an toàn, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

2. Yêu cầu:

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích; không trùng lặp với dự toán chi thường xuyên được ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 3. Phân bổ kinh phí

Số tiền thu được từ phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh được phân bổ như sau:

1. Trích 40% để đưa vào Quỹ tích lũy trả nợ;

2. Số tiền 60% còn lại được sử dụng để bổ sung kinh phí cho đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Bộ Tài chính (ngoài phần ngân sách nhà nước cấp đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành) cho các mục đích quy định tại Điều 4 Quyết định này.

Điều 4. Sử dụng kinh phí

Hằng năm, ngoài dự toán ngân sách đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành, Bộ Tài chính giao đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại quản lý sử dụng kinh phí được phân bổ tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này để hỗ trợ cho các nội dung chi cho tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại, gồm:

1. Xây dựng, duy trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu nợ công và các phần mềm phục vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; xây dựng, duy trì hoạt động của chuyên trang thông tin điện tử về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; xuất bản Bản tin nợ công và các ấn phẩm có liên quan đến công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

3. Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

4. Hoạt động nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại theo hướng dẫn của Bộ Tài chính như hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại; chỉ cho hoạt động kiểm tra, giám sát dự án; hội thảo, hội nghị; đào tạo bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở trong nước và nước ngoài; chỉ nghiên cứu khoa học, thực hiện các chuyên đề, đề án cơ chế chính sách và chuyên môn về quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

5. Hợp tác quốc tế trong tình hình mới: chỉ nghiên cứu, phân tích thông tin quốc tế phục vụ tham mưu; triển khai hợp tác quốc tế trên môi trường số và các cơ chế đa phương, song phương; chỉ phục vụ giải quyết các vấn đề tài chính xuyên biên giới theo chuẩn mực quốc tế; chỉ đón tiếp, trao đổi đoàn và tổ chức hội thảo chuyên đề; chỉ đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán, kinh tế - tài chính quốc tế cho đội ngũ công chức.

Các nội dung chỉ quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

6. Chi thường cho công tác phối hợp đối với các tập thể ngoài đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Bộ Tài chính có thành tích đóng góp trực tiếp cho hoạt động quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại. Tổng mức chi tối đa bằng 01 tháng tiền lương thực tế trong năm của đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại.

Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chỉ theo quy định tại Điều này, kinh phí tiết kiệm được (nếu có), đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tại Bộ Tài chính được sử dụng cho các mục đích chỉ theo quy định tại các Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan quản lý nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Số kinh phí còn lại hằng năm sau khi đã sử dụng cho các nội dung trên đây được chuyển về Quỹ Tích lũy trả nợ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc quản lý và nội dung sử dụng các khoản kinh phí theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Tài chính chỉ đạo đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ đánh giá tình hình và kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch, sử dụng kinh phí đúng mục đích quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Tài chính tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý sử dụng kinh phí tại đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý nợ công và kinh tế đối ngoại vào quý III năm 2030. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cơ chế quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

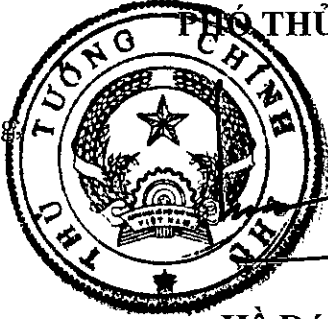
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 11/2021/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kéo dài thời gian thực hiện cơ chế tài chính đặc thù của một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước; được áp dụng cho các năm ngân sách từ năm 2026 - 2030. Trong thời gian thực hiện, trường hợp Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thay đổi thì thực hiện theo quy định mới.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 70

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phúc